

Bản án số: 38/2018/HNGĐ - PT

Ngày 26/7/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Hùng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29/6/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 07 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Đậu Thị T, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã Hùng S, huyện Tĩnh G, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ tạm trú: SN 20, ngách 55, ngõ 56, phường Lưu Vạn M, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Bùi Quang B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Hùng S, huyện Tĩnh G, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng: Ông Bùi Quang H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Hùng S, huyện Tĩnh G, tỉnh Thanh Hóa.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Bùi Quang B.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Đậu Thị T và anh Bùi Quang B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đậu Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Hùng S cấp ngày 25 tháng 01 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng đều làm nghề lao động tự do tại quê nhà. Đến tháng 8 năm 2016 chị T ra Hải Phòng làm công nhân cho đến nay. Cũng thời gian này, vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Gia đình cũng đã hòa giải, dàn xếp nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn. Từ tháng 01 năm 2017, vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Bị đơn là Anh Bùi Quang B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, cơ sở hôn nhân phù hợp với lời trình bày của chị T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Từ tháng 8 năm 2016 chị T ra Hải Phòng làm công nhân thì hai người xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị T không quan tâm đến gia đình chồng con, từ tháng 01 năm 2017 chị T không về nhà nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng thống nhất.

Con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu Bùi Quang Bảo Châu, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Chị T trình bày: từ khi cháu còn nhỏ, chị đã trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Đến khi cháu được 1 tuổi, ông bà nội động viên đưa cháu về nhà cho ông bà nội và bố cháu chăm sóc. Chị vẫn mua sắm quần áo, chăm lo cho cháu. Do đó anh B nại chị không có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con là không đúng.

Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp nuôi cháu Bảo Châu. Về điều kiện nuôi dưỡng con: Hiện nay chị đang làm công nhân ở Hải Phòng, có mức thu nhập ổn định hơn 10 triệu đồng/tháng; có nơi ở ổn định: chị thuê nhà ở. Cháu chưa đủ 3 tuổi nên cần người mẹ chăm sóc. Cháu ở với ông bà nội điều kiện kinh tế khó khăn, anh B thường xuyên vắng nhà, không nuôi dưỡng chăm sóc cháu được chu đáo. Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do điều kiện của chị đủ để đảm bảo nuôi dưỡng con.

Anh B trình bày: Anh không đồng ý giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì chị T không có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con từ nhỏ đến nay, cháu đang ở ổn định với ông bà nội và anh là người trực tiếp nuôi dưỡng con từ nhỏ. Về các điều kiện công việc làm và thu nhập: Anh làm việc trong công ty TNHH một thành viên Tân Thành 6, có mức thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng, công việc làm và thu nhập ổn định đủ đảm bảo nuôi dưỡng cháu. Anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Bảo Châu, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H trình bày: Ông là bố đẻ của anh B; ông, bà nuôi cháu từ nhỏ, mẹ cháu đi làm xa nên không có điều kiện nuôi con bố cháu phải đi làm, cũng ít có thời gian chăm sóc được con, ông bà xin được nuôi cháu.

Về tài sản: hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia đã quyết định: Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thị T và anh Bùi Quang B.

2. Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Quang Bảo Châu, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị T chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B được quyền thăm nom con, chị T không được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/5/2018, anh Bùi Quang B kháng cáo, với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Đậu Thị T.

- Về con chung: Nếu vợ chồng ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi con là Bùi Quang Bảo Châu sinh ngày 20/7/2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh B, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh B kháng cáo không đồng ý ly hôn, nhưng lời khai của anh B trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đều thừa nhận anh và chị T không còn tình cảm, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng có quá nhiều quan điểm bất đồng. Mặt khác, anh B cho rằng mục đích anh kháng cáo xin đoàn tụ để được nuôi cháu Châu, chứ không phải anh còn tình cảm với chị T. Xét thấy, anh B đã khẳng định vợ chồng không còn tình cảm và lý do anh xin đoàn

tự là không chính đáng, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về hôn nhân của anh B, Tòa sơ thẩm đã xử cho anh chị ly hôn là phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Anh B kháng cáo xin được nuôi con thì thấy rằng: theo lời khai anh B và ông H (bố anh B) trong hồ sơ thì anh và ông H đang là người trực tiếp nuôi cháu Châu. Anh B khai: do anh bận đi làm xa nên để con cho ông bà nuôi (BL 26); ông H khai: bố bận đi làm nên ông bà nuôi cháu (BL 22). Theo xác nhận lương của chị T thì thu nhập của chị khoảng 15.000.000đ/tháng (BL 20); hiện tại chị làm văn phòng công ty, có thu nhập ổn định, có nơi ở ổn định là nhà thuê ở Hải phòng (Hợp đồng thuê nhà -BL 37). Theo xác nhận lương của anh B từ 4,5 triệu đồng đến 8 triệu đồng (BL 32), hiện tại anh ở chung với bố mẹ, công việc đi lái xe xa nhà, anh B khai tại phiên tòa là công việc của anh không ổn định nên thường để ông bà nuôi cháu.

Xét thấy, chị T có điều kiện nuôi con hơn anh B, trong khi cháu mới được 3 tuổi 7 ngày còn rất nhỏ và rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh B, cần giữ nguyên án sơ thẩm, giao cho chị T nuôi con là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm anh B phải nộp vì án không được cải sửa.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh: không chấp nhận kháng cáo của anh B, đề nghị giữ nguyên toàn bộ án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Quang B, giữ nguyên tòa bộ bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia đã xử.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí dân sự phúc thẩm; Anh B phải nộp 300.000đ, đã nộp đủ tại Biên lai thu số 5731 ngày 29/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Tĩnh G;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh G;
- UBND xã Hùng S, Tĩnh G;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga